

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ BÌNH LƯƠNG

Số: /QĐ - UBND

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Lương, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt đề cương nhiệm vụ và dự toán: Kiểm kê đất đai,
lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 xã Bình Lương,
huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa.**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ BÌNH LƯƠNG

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/06/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/1/2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 136/2017/TT-BTNMT ngày 22/12/2017 của Bộ Tài chính Quy định lập, quản lý, sử dụng kinh phí chi hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường;

Căn cứ Thông tư 13/2019/TT-BTNMT ngày 07/8/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Ban hành Quy định định mức kinh tế - kỹ thuật thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư 08/2024/TT-BTNMT ngày 31/7/2024 của Bộ tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;

Căn cứ Chỉ thị số 22/CT-TTg ngày 23/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc Kiểm kê đất đai năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 817/QĐ-TTg ngày 9/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024”;

Căn cứ Kế hoạch số 186/KH-UBND ngày 30/8/2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc thực hiện công tác kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ Văn bản số 3262/UBND-TCKH ngày 27/12/2024 của UBND huyện Như Xuân về việc thống nhất chủ trương thực hiện dự án: Kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 (cấp xã, cấp huyện) huyện Như Xuân.

Xét đề nghị của Công chức Địa chính xã tại phiếu đề xuất ngày 31/12/2024 về việc đề nghị thẩm định và phê duyệt đề cương nhiệm vụ và dự toán: Kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 xã Bình Lương, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt đề cương nhiệm vụ và dự toán dự án: Kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 xã Bình Lương, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa với các nội dung sau:

1. Tên dự án: Kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 xã Bình Lương, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

2. Thời gian thực hiện: Năm 2024- 2025.

3. Địa điểm và quy mô:

Trên địa bàn xã Bình Lương, huyện Như Xuân với tổng diện tích tự nhiên 7.182,51 ha.

4. Mục tiêu:

a) Việc kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 nhằm đánh giá thực trạng tình hình sử dụng đất đai của từng đơn vị hành chính các cấp xã để làm cơ sở đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất đai của các cấp trong 5 năm qua và đề xuất cơ chế, chính sách, biện pháp nhằm tăng cường quản lý nhà nước về đất đai, nâng cao hiệu quả sử dụng đất; đồng thời làm cơ sở cho việc lập điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất các cấp và là cơ sở quan trọng để xây dựng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của xã Bình Lương, huyện Như Xuân.

- Đánh giá đầy đủ hiện trạng sử dụng đất, biến động đất đai trong giai đoạn 2020 - 2024.

- Là cơ sở pháp lý quan trọng để thực hiện giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng... Phục vụ cho mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội, quốc phòng an ninh của địa phương.

- Làm cơ sở để UBND huyện, UBND các xã, thị trấn cân đối giữa các khoản thu ngân sách từ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, các loại thuế liên quan đến đất đai và các khoản chi cho việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đến từng đơn vị hành chính cấp xã.

b) Công tác tổ chức, thu thập, xử lý, tổng hợp, công bố và lưu trữ dữ liệu kiểm kê phải được thực hiện nghiêm túc. Kết quả kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 phải được thực hiện đầy đủ, chính xác, đúng thời gian; bảo đảm tính khách quan, trung thực, phản ánh thực tế sử dụng đất.

5. Trình tự, nội dung thực hiện:

5.1. Thu thập các hồ sơ, tài liệu, bản đồ, số liệu liên quan đến biến động đất đai trong kỳ kiểm kê; hồ sơ kết quả kiểm kê đất đai kỳ trước và kết quả thống kê hàng năm trong kỳ kiểm kê; chuẩn bị bản đồ phục vụ cho điều tra kiểm kê trên địa bàn xã Bình Lương, huyện Như Xuân.

5.2. Điều tra, khoanh vẽ hoặc chỉnh lý các khoanh đất theo các chỉ tiêu kiểm kê để lập bản đồ kiểm kê đất đai; tính diện tích các khoanh đất và lập Bảng liệt kê danh sách các khoanh đất thống kê, kiểm kê đất đai theo quy định tại Phụ lục III kèm theo Thông tư số 08/2024/TT-BTNMT ngày 31/07/2024 cho tất cả các loại đất trên địa bàn xã Bình Lương, huyện Như Xuân.

5.3. Xử lý, tổng hợp số liệu và lập các biểu kiểm kê đất đai theo quy định xây dựng báo cáo thuyết minh hiện trạng sử dụng đất cho cho tất cả các loại đất trên địa bàn xã Bình Lương, huyện Như Xuân.

5.4. Lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất; xây dựng báo cáo thuyết minh bản đồ hiện trạng sử dụng đất cho cho tất cả các loại đất trên địa bàn xã Bình Lương, huyện Như Xuân.

5.5. Phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất, tình hình biến động đất đai trong kỳ kiểm kê; đề xuất các giải pháp tăng cường về quản lý nâng cao hiệu quả sử dụng đất.

5.6. Xây dựng báo cáo kết quả kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất.

5.7. Phê duyệt, in sao và ban hành kết quả kiểm kê đất đai. bản đồ hiện trạng sử dụng đất.

6. Sản phẩm của dự án bao gồm:

6.1. Báo cáo kết quả kiểm kê đất đai đã được phê duyệt (01 bộ giấy và 01 bộ số);

6.2. Biểu số liệu kiểm kê đất đai cấp xã và báo cáo thuyết minh hiện trạng sử dụng đất đã được phê duyệt (01 bộ giấy và 01 bộ số);

6.3. Bản đồ hiện trạng sử dụng đất và báo cáo thuyết minh bản đồ hiện trạng sử dụng đất đã được phê duyệt (01 bộ giấy và 01 bộ số định dạng *.dgn);

6.4. Bản đồ kiểm kê đất đai định dạng *.dgn, bộ dữ liệu kết quả kiểm kê đất đai được tổng hợp từ phần mềm thống kê, kiểm kê đất đai của Bộ Tài nguyên và Môi trường (các định dạng được đóng gói theo tiêu chuẩn kỹ thuật về ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước) và danh sách các khoanh đất trong năm kiểm kê đất đai (01 bộ số).

7. Tổng dự toán kinh phí là: 96.722.267 đồng (Chín mươi sáu triệu, bảy trăm hai hai nghìn, hai trăm sáu bảy đồng), đã bao gồm thuế giá trị gia tăng như sau:

- Chi phí kiểm kê đất đai: 79.459.166 đồng.
- Chi phí Lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024: 11.820.637 đồng.
- Chi phí lập Phương án kỹ thuật - dự toán: 1.460.477 đồng.
- Chi phí kiểm tra, nghiệm thu: 3.981.987 đồng.

(Có Bảng tổng hợp dự toán kinh phí kèm theo)

8. Nguồn vốn: Ngân sách xã đảm bảo từ nguồn kinh phí 10% tổng số thu tiền sử dụng đất và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật và phân cấp của Luật Ngân sách.

Điều 2. Trên cơ sở nguồn kinh phí đã phê duyệt, quản lý và sử dụng kinh phí theo đúng Luật Ngân sách, đồng thời thanh quyết toán nguồn kinh phí trên. Giao cho công chức Tài chính - Kế toán xã có trách nhiệm cân đối Nguồn vốn Ngân sách xã đảm bảo từ nguồn kinh phí 10% tổng số thu tiền sử dụng đất và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật và phân cấp của Luật Ngân sách, làm chứng từ thanh quyết toán.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Văn Phòng UBND xã, Tài chính - Kế toán xã, Địa chính xã Bình Lương, Trưởng các ban ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này ./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Lưu: VT; ĐC.

CHỦ TỊCH

Lê Đức Tuấn

Bảng tổng hợp dự toán kinh phí dự án: Kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 xã Bình Lương, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND, ngày tháng năm 2024 của Chủ tịch UBND xã Bình Lương, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: đồng

TT	Hạng mục	Diễn giải	Cách tính	Dự toán (đồng)	Thuế (VAT 10%)	Thành tiền (đồng)
I	Kiểm kê đất đai	Bảng 5 Thông tư số 13/2019/TT-BTNMT	$Mx = Mtbx \times Kdtx \times Kkv$	72.235.606	7.223.561	79.459.166
1	Đơn giá trung bình Mtbx	Phụ lục số 01		64.260.836	6.426.084	70.686.919
2	Hệ số diện tích (Kdtx)	Bảng a phụ lục số 01 Thông tư 13/2019/TT-BTNMT	$(Kdtx) = 1,21 + ((1,3 - 1,21) / (10.000 - 5000)) \times (\text{diện tích của xã cần tính} - 5000)$	1,249		
3	Hệ số khu vực theo vùng (Kkv)	Bảng b phụ lục số 01 Thông tư 13/2019/TT-BTNMT	Xã khu vực miền núi	0,9		
II	Lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024	Bảng 6 Thông tư số 13/2019/TT-BTNMT	$Mx = Mtbx \times Ktlx$	10.746.033	1.074.603	11.820.637
1	Đơn giá trung bình Mtbx	Phụ lục số 01		10.433.042	1.043.304	11.476.346
2	Hệ số tỷ lệ bản đồ (Ktlx)	Bảng c phụ lục số 01 Thông tư 13/2019/TT-BTNMT	$Ktlx = 1,01 + ((1,15 - 1,01) / (20.000 - 5.000)) \times (\text{diện tích của xã cần tính} - 5.000)$	1,03		
III	Chi phí khác			4.947.695	494.769	5.442.464
1	Chi phí lập dự án (Chi phí lập Phương án kỹ thuật - dự toán)	Phụ lục số 04 Thông tư số 136/2017/TT-BTC	$1,6\% \times (I+II)$	1.327.706	132.771	1.460.477
2	Chi phí kiểm tra nghiệm thu (theo TT 136/2017/TT-BTC)	Phụ lục số 01		3.619.988	361.999	3.981.987
	Tổng cộng			87.929.333	8.792.933	96.722.267

Bằng chữ: Chín mươi sáu triệu, bảy trăm hai hai nghìn, hai trăm sáu bảy đồng./.